TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2026/DS-ST Ngày 22-4-2026 V/v tranh chấp về thừa kế tài sản	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Nhật.

2. Bà Lê Thị Thu Lợi.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ F, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đình T3, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đình T4, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Cha của ông là ông Nguyễn Đình L, đã chết vào năm 2024. Mẹ của ông là bà Lê Thị Đ, hiện đang sinh sống cùng ông.

Ông bà nội của ông là ông Nguyễn Đ1, đã chết năm 1951 và bà Huỳnh Thị D, đã chết năm 1968.

Cha mẹ ông có tất cả 07 người con, gồm: Ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Đình T3, ông Nguyễn Đình T2, ông Nguyễn Đình T4, và bà Nguyễn Thị T1.

Nguồn gốc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại khu phố D, xã T, tỉnh Gia Lai là của ông bà nội để lại cho cha mẹ ông quản lý, sử dụng từ trước năm 1990. Cha mẹ ông đã sinh sống ổn định trên thửa đất này và qua các thời kỳ đều là người đăng ký, kê khai sử dụng đất.

Năm 2024, sau khi ông Nguyễn Đình L chết, bà Lê Thị Đ cùng các anh chị em trong gia đình thống nhất giao cho ông thửa đất nêu trên để quản lý, sử dụng. Các anh chị em đều đồng ý thực hiện các thủ tục cần thiết để ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T1 không đồng ý ký các giấy tờ liên quan và cũng không nêu rõ quan điểm của mình, dẫn đến việc ông không thể thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L để lại là ½ quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35 như đã nêu trên. Ông đề nghị được nhận phần di sản bằng hiện vật và thanh toán lại giá trị tương ứng cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu tính công sức đóng góp của ông trong khối di sản này vì ông là người quản lý, tôn tạo di sản, đồng thời ông là người chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 11 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Cha bà là ông Nguyễn Đình L chết năm 2024, mẹ là bà Lê Thị Đ. Cha mẹ bà có 07 người con, bà là con gái lớn. Khi còn sống, cha mẹ bà được ông bà nội để lại nhà đất tại tổ dân phố D, xã T, tỉnh Gia Lai.

Theo bà T1, các em trai trong gia đình đã được cha mẹ mua đất để cất nhà ở nơi khác, còn cha mẹ sống cùng ông T. Sau khi cha mất, trong quá trình bàn bạc việc làm thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, ông T không trao đổi rõ ràng với bà mà có thái độ gây áp lực buộc bà phải ký giấy tờ nên bà không đồng ý

ký. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị được nhận bằng hiện vật phần di sản của bà được nhận.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Đình T2, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình T3, ông Nguyễn Đình T4, bà Nguyễn Thị H1 thống nhất trình bày:

Các ông bà thống nhất về quan hệ gia đình cũng như nguồn gốc di sản thừa kế như ông Nguyễn Đình T trình bày. Sau khi cha mất, các ông bà thống nhất chia giao cho ông Nguyễn Đình T được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại khu phố D, xã T, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T1 không ký giấy tờ nên ông T không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, các ông bà không tranh chấp gì mà thống nhất để toàn bộ kỷ phần mình được nhận cho ông T.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 11 năm 2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà là mẹ của ông Nguyễn Đình T. Khi còn sống, bà và chồng là ông Nguyễn Đình L có thống nhất để lại nhà đất cho con trai trưởng là Nguyễn Đình T. Tuy nhiên, khi giấy tờ chưa thực hiện xong thì ông L mất. Bà nhiều lần gặp bà Nguyễn Thị T1 để bàn bạc về việc ký giấy tờ sang tên cho ông Trung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên bà T1 không hợp tác.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bà thống nhất để lại toàn bộ phần quyền của bà cũng như phần di sản mà bà được nhận cho ông T.

Tại phiên tòa, ông T bà T1 thống nhất trình bày: Ông T và bà T1 đã thống nhất chia giao cho bà T1 80.000.000 đồng giá trị kỷ phần. Ông T được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất. Hai bên đã thực hiện xong thủ tục giao nhận tiền nên không yêu cầu Tòa án ghi nhận. Ông T tự nguyện chịu các khoản chi phí tố tụng mà ông đã n

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L là ½ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35, diện tích 541,5 m², đồng thời chia giao cho ông T được nhận bằng hiện vật. Ông T và bà T1 đã tự thỏa thuận thanh toán giá trị kỷ phần cho bà T1 nên đề nghị không xem xét phân chia cho bà T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa

và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L để lại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà T1 cư trú tại xã T, tỉnh Gia Lai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T2, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình T3, ông Nguyễn Đình T4, bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Theo hồ sơ địa chính năm 1993, ông Nguyễn Đình L là người đăng ký kê khai, sử dụng thửa đất số 658, tờ bản đồ số 05, diện tích 448 m² (trong đó có 200 m² đất ở, còn lại là đất vườn); đồng thời, ông Nguyễn Văn T5 đăng ký kê khai, sử dụng thửa đất số 657, tờ bản đồ số 05, diện tích 120 m² toàn bộ là đất ở, cùng tọa lạc tại thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai. Quá trình thực hiện dự án VLAP, hai thửa đất nêu trên được hợp thửa thành thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35, diện tích 541,5 m² như hiện nay. Tuy nhiên, qua làm việc, xác minh tại địa phương và theo lời trình bày của ông Nguyễn Đình T6, mặc dù trong hồ sơ địa chính có tên ông Nguyễn Đình T6 đứng kê khai đối với thửa đất số 657, nhưng thực tế ông T6 đã đổi đất này với ông Nguyễn Đình L để hai bên xác định lại ranh, các bên đã sử dụng ổn định. Ông T6 không tranh chấp gì đối với phần đất này. Diện tích đất sau khi các bên xác định lại ranh do ông Nguyễn Đình L quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ trước đến nay. Mặt khác, các đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất là do ông bà nội để lại cho ông Nguyễn Đình L và bà Lê Thị Đ quản lý, sử dụng; ông L, bà Đ là người trực tiếp đăng ký kê khai, sử dụng đất qua các thời kỳ. Như vậy, mặc dù quá trình đăng ký kê khai năm 1993 và khi thực hiện dự án VLAP có sự khác nhau nhưng theo quy định tại Điều 99, Điều 100 của Luật đất đai năm 2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35, diện tích 541,5 m² được công nhận quyền sử dụng cho ông Nguyễn Đình L bà bà Lê Thị Đ.

[4] Đối với tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà hiện có trên đất, các đương sự đều thống nhất xác định là của ông Nguyễn Đình T, không thuộc khối di sản thừa kế. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông bà chưa có sự phân chia nên bà Đ được sở hữu ½ và ½ còn lại là di sản thừa kế của ông L theo quy định tại Điều 33, khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình, Điều 612 của Bộ luật dân sự.

[5] Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015, cha, mẹ của ông Nguyễn Đình L đều đã chết trước ông L nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình L bao gồm vợ là bà Lê Thị Đ và các con gồm ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Đình T3, ông Nguyễn Đình T2, ông Nguyễn Đình T4 và bà Nguyễn Thị T1. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Đ giao lại phần quyền sử dụng của mình cũng như kỷ phần thừa kế cho ông

T. Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Đình T3, ông Nguyễn Đình T2, ông Nguyễn Đình T4 đều giao lại kỷ phần thừa kế mà mình được chia cho ông T. Tại phiên tòa, ông T bà T1 thống nhất chia giao kỷ phần thừa kế của bà T1 cho ông T mà không tranh chấp gì. Giữa ông bà đã thỏa thuận xong việc giao nhận kỷ phần thừa kế của bà T1. Như vậy ông T được chia giao toàn bộ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35, diện tích 541,5 m², tọa lạc tại thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai bao gồm phần quyền sử dụng của bà Đ và phần di sản của ông Nguyễn Đình L.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Áp dụng quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với tỉ lệ kỷ phần mà mình được nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên bà T1 không phải chịu. Ông T đã nộp xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 612, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T về việc chia di sản thừa kế.

1. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L là 1/2 quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35, diện tích 541,5 m², tọa lạc tại thôn D, xã T, tỉnh Gia Lai.

2. Chia giao cho ông Nguyễn Đình T được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 35, diện tích 541,5 m², tọa lạc tại khu phố D, xã T, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Hiện ông T đang quản lý tài sản.

Hiện trạng nhà đất có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

3. Ông Nguyễn Đình T đã thanh toán xong kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị T1.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đình T chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 (năm triệu) đồng; ông T đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho ông Nguyễn Đình T 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005035 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh gia lai;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên